

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây
dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư;*

*Căn cứ Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ
tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử
thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế; TTHC
bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, UBND cấp huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiến
trúc thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 96/TTr-SXD ngày
29 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 20 thủ tục hành chính cấp tỉnh
được sửa đổi, bổ sung về phí, lệ phí và căn cứ pháp lý (tại các thủ tục số 1.1, 1.2

Mục 1, Phần A; các thủ tục số 1.1 đến 1.12 Mục 1, Phần C) đã được ban hành tại Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Xây dựng, UBND cấp huyện; (các thủ tục số 01 đến 06 thuộc Lĩnh vực Kiến trúc) được ban hành tại Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong Lĩnh vực Kiến trúc thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

(Danh mục và nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021; Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc trên phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh (Egov); thực hiện tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy,
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, HCC, HCTC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG**

(Ban hành theo Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 5 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Nội dung / Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung	Trang
I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
1	1.009928	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Sửa đổi, bổ sung tại mục h) phí, lệ phí; mục k) căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư	1
2	1.009936	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III		1
3	1.009982	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III		1
4	1.009983	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III		1
5	1.009984	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)		2
6	1.009985	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)		2
7	1.009986	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		2
8	1.009987	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III		3
9	1.009988	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III		3
10	1.009989	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)		3

II

11	1.009990	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	chính theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư	3
12	1.009991	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		4
13	1.009980	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C		4
14	1.009981	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C		4
II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC				
1	1.008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Sửa đổi, bổ sung tại mục h) phí, lệ phí; mục k) căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư	5
2	1.008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)		5
3	1.008990	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề		5
4	1.008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc		6
5	1.008992	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam		6
6	1.008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam		6

Phần II**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG****I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****1. Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III**

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

2. Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

3. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

4. Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

5. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

6. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: Không thu lệ phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

7. Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

8. Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

9. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

10. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

11. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: Không thu lệ phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

12. Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

*** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:**

h) Phí, lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

13. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C

*** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:**

h) Phí, lệ phí: 2.000.000 đồng/giấy phép theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

14. Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C

*** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:**

h) Phí, lệ phí: 2.000.000 đồng/giấy phép theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

2. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: Không thu lệ phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

4. Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

5. Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

6. Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

** Các nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau:*

h) Phí, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.